

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07 tháng 7 năm 2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà: Võ Chi Lan.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thu Hảo.

2. Ông Trần Hải Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phan Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Mai Trần Thị Hồng Th, sinh năm 2001. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Số SN NH, khu phố B, phường M, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

Bị đơn: Trần Thanh L, sinh năm 2000. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, Tiền Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Mai Trần Thị Hồng Th là nguyên đơn trình bày: Chị và anh L sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn từ năm 2018 đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do mẹ chồng khó khăn, anh L thường xuyên đánh*

chị, chị phải về nhà cha mẹ ruột ở và không được quyền chăm sóc con. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Mai Bảo T, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2019. Hiện nay cháu T do anh L và mẹ chồng là bà M trực tiếp nuôi. Chị yêu cầu Tòa án buộc anh L, bà M cùng có nghĩa vụ giao cháu T cho chị trực tiếp nuôi vì hiện nay cháu T còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi, anh L đi làm mỗi ngày để cháu T cho bà M chăm sóc và gia đình bà M ngăn cản chị đến thăm con; không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không tranh chấp

Về nợ chung: Không có.

*\* Anh Trần Thanh L là bị đơn trình bày:* Chị Th ly hôn anh đồng ý vì sống chung không hợp tính tình. Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Mai Bảo T, sinh năm 2019 hiện do anh và bà M trực tiếp nuôi, anh không đồng ý giao con cho Chị Th vì Chị Th không biết cách chăm sóc con, Chị Th bỏ đi từ khi cháu T mới 11 tháng tuổi, ít khi về thăm cháu, khi nào cháu T thích nghỉ được với Chị Th thì anh mới đồng ý giao. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

*\* Bà Trương Thị Tuyết M là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:* Cháu T là con chung của Chị Th với anh L, Chị Th với anh L sống chung không hợp nên Chị Th bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và để cháu T cho bà với anh L chăm sóc từ khi cháu T 11 tháng tuổi đến nay. Trước yêu cầu khởi kiện của Chị Th bà không đồng ý giao cháu T cho Chị Th trực tiếp nuôi vì Chị Th không biết cách chăm sóc con; khi nào cháu T 03 đến 04 tuổi thì bà sẽ giao cho Chị Th nuôi.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 27 luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 21, 22, 28, 35, 46, 48, 49, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 92, 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự thì trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng các điều 14, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Th được ly hôn anh L mà tuyên quan hệ hôn nhân giữa Chị Th với anh L không phải là vợ chồng. Về con chung: Buộc bà M và anh L cùng có nghĩa vụ giao cháu T cho Chị Th trực tiếp nuôi. Về tài sản chung: Không tranh chấp. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Th chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Chị Th ly hôn với anh L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2] Về nội dung:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Th với anh L là tự nguyện; anh chị không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận quan hệ của anh chị là vợ chồng; việc Chị Th ly hôn là không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Mai Bảo T, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2019. Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh L, Chị Th, bà M cùng thống nhất cháu Mai Bảo T là con chung của anh L và Chị Th nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2017 xác nhận cháu Mai Bảo T là con chung của anh L và Chị Th.

Anh L, Chị Th cùng có việc làm ổn định để đảm bảo nuôi con chung nhưng căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần phải giao cháu T cho Chị Th trực tiếp nuôi là đúng quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Th chịu.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 14, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*Xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Trần Thị Hồng Th yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh L.

2. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Trần Hồng Thắm và anh Trần Thanh L không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

3. Về con chung:

- Buộc bà Trương Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L có nghĩa vụ giao cháu Mai Bảo T, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2019 cho chị Mai Trần Thị Hồng Th trực tiếp nuôi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết thì chị Mai Trần Thị Hồng Th và anh Trần Thanh L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nếu có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mai Trần Thị Hồng Th chịu 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm*

ngàn đồng) mà chị Mai Trần Thị Hồng Th đã tạm ứng án phí tại biên lai số 43716 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy chị Mai Trần Thị Hồng Th đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Đương sự;
- Lưu hs, án văn. Ln. 10.

**VÕ CHI LAN**